

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ - ST
Ngày 06 tháng 7 năm 2017
“V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chung;
2. Bà Lê Thị Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường,
tỉnh Vĩnh P húc xét x ử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLST -
HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn
theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6
năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị Bích H, sinh năm 1992 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Xuân B, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn 3, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 02 năm 2017 và những lời khai tiếp
theo nguyên đơn chị Phùng Thị Bích H trình bày:* Chị kết hôn với anh Phạm
Xuân B ngày 10/7/2014, trước khi cưới có được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký
kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong chị về
làm dâu và ở chung cùng gia đình anh B. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận,
sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp,
bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B thường chơi bời, không có trách
nhiệm với gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Tháng 11/2016, chị và
anh B mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng xảy ra xô xát, cãi vã nhau, anh B mắng

đuổi chị ra khỏi nhà, chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là cháu Phạm Văn C, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2014. Hiện cháu C đang ở cùng anh B. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân cho Công ty điện tử Z trong Vĩnh Yên, thu nhập khoảng 4.000.000 đến 6.000.000 đồng/ tháng.

Chị đang ở cùng bố mẹ đẻ ở thôn 3 xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Phạm Xuân B vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2017 anh khai: Quá trình kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị H trình bày. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng không hiểu nhau, tính tình không hợp nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi cọ. Tháng 11/2016, vợ chồng xô xát, anh thừa nhận có nóng giận nên mắng đuổi chị H, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân. Anh có gọi chị H về đoàn tụ nhưng chị không về, vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh không nhất trí, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Văn C, sinh ngày 25/5/2014 đúng như chị H trình bày. Ly hôn anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm thợ đồ bê tông và chăn nuôi thêm rắn tại nhà, tổng thu nhập khoảng 4.000.000 đồng – 5.000.000 đồng/tháng. Anh đang sống cùng nhà với bố mẹ đẻ ở thôn 3, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tòa án, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án xử cho chị Phùng Thị Bích H được ly hôn anh Phạm Xuân B; Giao cho chị Phùng Thị Bích H được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Văn C, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con không ai được cản trở; Tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng: Chị H xin ly hôn anh B và đề nghị phân chia nuôi con chung với anh B. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh B là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, chị H và anh B đều cho rằng nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xô xát dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2016 đến nay, không ai quan tâm thăm hỏi gì đến nhau. Tại phiên tòa, chị H khẳng định tình cảm vợ chồng với anh B không còn, giữa chị và anh B không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Anh B không nhất trí ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng bản thân anh B cũng không có biện pháp gì cải thiện tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay anh cũng không có mặt nhưng trong lời khai của mình, anh trình bày nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý. Điều đó chứng tỏ anh B không thực sự có mong muốn, không có quyết tâm đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh B thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Văn C, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2014. Hiện cháu C đang ở cùng anh B. Ly hôn, cả chị H và anh B đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của chị H và anh B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù cả chị H và anh B đều có việc làm, có mức thu nhập tương đồng, đều ở cùng bố mẹ đẻ và có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên cháu C còn nhỏ, mới 3 tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu, giúp cháu có được sự phát triển tốt nhất nên giao cháu C cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

[4] Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị H, anh B đều không yêu cầu do vậy Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Cho chị Phùng Thị Bích H được ly hôn anh Phạm Xuân B.

2. Về con chung: Giao cho chị Phùng Thị Bích H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Văn C, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2014 cho đến khi cháu C thành niên. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0004114 ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường; Chị Phùng Thị Bích H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Đoan Trang